**TIẾT 9**

**KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Năm học 2024-2025**

**Môn: Công nghệ 9 (Sách kết nối tri thức)**

## A. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

- Thời điểm kiểm tra: Kiểm tra giữa học kì I, khi kết thúc nội dung:

1. Ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ

2. Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân

3. Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam

- Thời gian làm bài: 45 phút.

- Hình thức kiểm tra: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 70% trắc nghiệm, 30% tự luận).

- Cấu trúc:

- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.

- Phần trắc nghiệm: 7,0 điểm, gồm 28 câu hỏi (ở mức độ Nhận biết: 16 câu, Thông hiểu 12 câu)

- Phần tự luận: 3,0 điểm (Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1 điểm)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/ Chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Số tiết/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | **Tổng số câu/ý** | | **Tổng % điểm** | **Tổng điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  | |  |  |
| **TN** | **TN** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |  |  |
| **1** | **Định hướng nghề nghiệp** | 1.1 Nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ | 3 | 8 | 8 |  |  |  |  | 16 | 0 | 40,00 | 4,00 |
| 1.2. Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân | 2 | 2 | 2 |  | 1 |  |  | 4 | 1 | 30,00 | 3,00 |
| 1.3. Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam | 2 | 6 | 2 |  |  |  | 1 | 8 | 1 | 30,00 | 3,00 |
| **Tổng** | | | **7** | **16** | **12** | **0** | **1** | **0** | **1** | **28** | **2** | **100,0** | **10,00** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **40%** | **30%** | **20%** | | **10%** | | **70%** | **30%** | **100%** |  |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70%** | | **30%** | | | |  |  | **100%** |  |

**B. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị**  **kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ**  **nhận thức** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **NB** | **TH** | **VD** | **VD cao** |
| **1** | ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP | 1.1.Ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ | **Nhận biết:**   * Trình bày được khái niệm nghề nghiệp.   Trình bày được tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người và xã hội.   * Kể tên được một số ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. * Trình bày được những đặc điểm của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. * Trình bày được những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.   **Thông hiểu:**   * Phân tích được ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp của mỗi người. * Phân tích được những đặc điểm của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.   Phân tích được những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.  **Vận dụng:**  - Phát biểu được quan điểm cá nhân về việc lựa chọn nghề nghiệp của bản thân.  - Xác định được sự phù hợp của bản thân với ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. | **8**  **(C1-8)** | **8**  **(C9-16)** |  |  |
| 1.2. Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân | **Nhận biết:**   * Kể tên được những thành tố chính trong hệ thống giáo dục tại Việt Nam. * Nhận ra được các thời điểm có sự phân luồng trong hệ thống giáo dục.   - Nhận ra được cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục.   * Trình bày được những hướng đi liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau khi kết thúc THCS.   **Thông hiểu:**   * Mô tả được cơ cấu hệ thống giáo dục tại Việt Nam.   - Giải thích được các thời điểm có sự phân luồng trong hệ thống giáo dục.  *-* Giải thích được cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục.   * Giải thích được những hướng đi liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau khi kết thúc THCS.   **Vận dụng:**  Tìm hiểu được thông tin về các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. | **2**  **(C17-18)** | **2**  **(C19-20)** | **1**  **(C29)** |  |
| 1.3. Thị  trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại  Việt Nam | **Nhận biết:**   * Trình bày được khái niệm về thị trường lao động. * Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng tới thị trường lao động.   Trình bày được vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.   * Trình bày được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ.   **Thông hiểu:**  - Mô tả được những vấn đề cơ bản của thị trường lao động tại Việt Nam hiện nay.   * Phân tích được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ.   **Vận dụng:**  Tìm kiếm được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ. | **6**  **(C21-26)** | **2**  **(C27-28)** |  | **1**  **(C30)** |
|  |  |  | **Tổng** | **16TN** | **12TN** | **1TL** | **1TL** |
|  |  |  | **Tỉ lệ %** | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |
|  |  |  | **Tỉ lệ chung** | **70%** | | **30%** | |

**C. ĐỀ KIỂM TRA**

**I. Trắc nghiệm (7 điểm):** *Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng ?*

**Câu 1: Nội dung nào dưới đây không đúng khi nói về nghề nghiệp?**

A. Là tập hợp các công việc được xã hội công nhận.

B. Việc làm có tính chất ổn định, gắn bó lâu dài với mỗi người, mang lại thu nhập và cơ hội để họ phát triển bản thân.

C. Con người có năng lực, tri thức, kĩ năng tạo ra các sản phẩm vật chất, tinh thần đáp ứng nhu cầu xã hội, mang lại thu nhập ổn định và tạo nên giá trị bản thân.

D. Bao gồm tất cả các công việc có môi trường làm việc năng động, hiện đại và luôn biến đổi.

**Câu 2: Nội dung nào không đúng khi nói về tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người?**

A. Mang lại cho con người nguồn thu nhập ổn định, bền vững để chăm lo cho bản thân và gia đình.

B. Không góp phần làm giảm các tệ nạn xã hội, đảm bảo kỉ cương, ổn định xã hội.

C. Tạo ra môi trường để con người phát triển nhân cách, phát huy năng lực, sở trường.

D. Giúp con người thỏa mãn đam mê, tạo nên niềm vui, hạnh phúc trong cuộc sống.

**Câu 3: Hình ảnh dưới đây nói về ngành nghề nào trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ?**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Kĩ sư tự động hóa.  B. Thợ cơ khí.  C. Kĩ sư điện.  D. Kĩ thuật hệ thống. | Thợ cơ khí và 6 điều quan trọng bạn cần biết - Blog Việcngay.vn |

**Câu 4: Hình ảnh dưới đây nói về ngành nghề nào trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ?**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Kĩ sư tự động hóa.  B. Kĩ sư chế tạo máy.  C. Kĩ thuật viên sửa chữa ô tô.  D. Kĩ sư trắc địa mỏ. | Ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa có gì hấp dẫn? |

**Câu 5: Môi trường làm việc của lập trình viên có đặc điểm gì?**

A. Môi trường làm việc khép kín, ít có sự giao tiếp.

B. Cần biết ít nhất 1 ngoại ngữ để cập nhật xu hướng mới trên thé giới và giao tiếp tri thức nhân loại.

C. Làm việc với nhiều máy móc, thiết bị hiện đại, luôn được tiếp cận với các thành tựu mới nhất của khoa học, công nghệ.

D. Có thể là các nhà máy, phân xưởng, nhà xưởng tư nhân.

**Câu 6: Công việc của thợ cơ khí là:**

A. Lắp đặt, chế tạo, vận hành máy móc hoặc sửa chữa, phục hồi, thay thế các bộ phận hư hỏng trên máy móc.

B. Nghiên cứu, vận hành, theo dõi các hệ thống tự động, dây chuyền sản xuất tự động, phát hiện và sửa chữa cũng như khắc phục những sai sót của hệ thống một cách kịp thời.

C. Phụ trách nghiên cứu, thiết kế, triển khai xây dựng và hoàn thiện những vấn đề liên quan đến hệ thống điện.

D. Chịu trách nhiệm lên kế hoạch triển khai các hệ thống mới, xử lý lỗi phần mềm và nâng cao hiệu suất của toàn bộ hệ thống.

**Câu 7: Nội dung nào dưới đây không đúng khi nói về đặc điểm môi trường làm việc của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật,** **công nghệ?**

A. Môi trường làm việc năng động, hiện đại, luôn biến đổi và đầy thách thức.

B. Đối với lĩnh vực kĩ thuật môi trường làm việc tiềm ẩn nguy cơ tai nạn cao.

C. Tiếp xúc với các thiết bị, công nghệ hiện đại.

D. Môi trường làm việc nhẹ nhàng, ít áp lực.

**Câu 8: Yêu cầu chung về năng lực của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ là:**

A. Có khả năng tự học, tự nghiên cứu, đổi mới sáng tạo; có khả năng học tập ngoại ngữ, tin học.

B. Chống chỉ định y học với những người bị có tật khúc xạ về mắt.

C. Có tính kỉ luật, ý thức tuân thủ các quy định, quy tắc trong quá trình làm việc; có ý thức bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn lao động.

D. Cần cù, chăm chỉ, chịu được áp lực công việc và nhiệm vụ được giao.

**Câu 9: Nội dung nào dưới đây không đúng khi nói về ý nghĩa của việc chọn đúng nghề nghiệp đối với gia đình?**

A. Tạo ra thu nhập đảm bảo cho cá nhân và gánh vác được một phần chi phí cho gia đình.

B. Là cơ hội để mỗi cá nhân xây dựng được kế hoạch gia đình tương lai một cách chắc chắn.

C. Góp phần đảm bảo công tác quy hoạch cán bộ.

D. Tạo ra sự hài lòng, hạnh phúc cho bản thân và gia đình.

**Câu 10: Nội dung nào dưới đây không đúng khi nói về ý nghĩa của việc chọn đúng nghề nghiệp đối với cá nhân?**

A. Giúp con người có động lực trong học tập, nghiên cứu, sáng tạo để hoàn thiện các phẩm chất, kĩ năng của bản thân, đáp ứng được yêu cầu của nghề nghiệp sau này.

B. Giúp con người phát triển nghề nghiệp, tạo ra chỗ đứng vững chắc trong nghề, có thu nhập ổn định và tránh xa được các tệ nạn xã hội.

C. Là nền tảng để có được sự thành công trong công việc và sự hài lòng, hạnh phúc với công việc mình đã chọn.

D. Giảm thiểu các nguy cơ gây mất an toàn lao động.

**Câu 11: Nội dung nào dưới đây không đúng khi nói về ý nghĩa của việc chọn đúng nghề nghiệp đối với xã hội?**

A. Giúp con người phát triển, tạo ra chỗ đứng vững chắc trong nghề nghiệp; tạo ra thu nhập ổn định, tránh xa được các tệ nạn xã hội.

B. Giảm thiểu tình trạng thất nghiệp, làm trái ngành, trái nghề gây ra những lãng phí cho xã hội.

C. Góp phần đảm bảo công tác quy hoạch và phát triển thị trường lao động.

D. Giảm thiểu các nguy cơ gây mất an toàn lao động.

**Câu 12: Nội dung nào dưới đây không đúng khi nói về đặc điểm môi trường làm việc của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?**

A. Môi trường làm việc năng động, hiện đại, luôn biến đổi và đầy thách thức.

B. Đối với lĩnh vực kĩ thuật môi trường làm việc tiềm ẩn nguy cơ tai nạn cao.

C. Tiếp xúc với các thiết bị, công nghệ hiện đại.

D. Làm việc liên tục trong môi trường hoạt động nhóm, áp lực cao.

**Câu 13: Môi trường làm việc của lập trình viên có đặc điểm gì?**

A. Môi trường làm việc khép kín, ít có sự giao tiếp.

B. Cần biết ít nhất 1 ngoại ngữ để cập nhật xu hướng mới trên thé giới và giao tiếp tri thức nhân loại.

C. Làm việc với nhiều máy móc, thiết bị hiện đại, luôn được tiếp cận với các thành tựu mới nhất của khoa học, công nghệ.

D. Có thể là các nhà máy, phân xưởng, nhà xưởng tư nhân.

**Câu 14: Sản phẩm lao động của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ có đặc điểm gì?**

A. Các sản phẩm cơ khí, kĩ thuật, các ứng dụng, phần mềm sử dụng cho các thiết bị điện tử phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xã hội.

B. Các ứng dụng, phần mềm phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xã hội.

C. Các sản phẩm cơ khí, kĩ thuật phục vụ đời sống sinh hoạt của con người.

D. Các sản phẩm cơ khí, kĩ thuật, các ứng dụng, phần mềm phục vụ tất cả các lĩnh vực đời sống của con người.

**Câu 15: Để làm được các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ cần đạt yêu cầu về phẩm chất là gì?**

A. Cần cù, chăm chỉ, trung thực. B. Có khả năng làm việc độc lập.

C. Có trình độ chuyên môn nghiệp vụ D. Đủ sức khỏe để làm việc lâu dài.

**Câu 16: Đối với người lao động trong các ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ cần đạt yêu cầu gì về năng lực?**

A. Luôn luôn tuân thủ quy định B. Có năng lực tự học và sáng tạo

C. Có ý thực học tập phát triển nghề nghiệp D. Có ý thức phấn đấu rèn luyện

**Câu 17: Hãy kể tên được những thành tố chính trong hệ thống giáo dục tại Việt Nam.**

A. Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học, giáo dục thường xuyên

B. Giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học, giáo dục thường xuyên

C. Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp

D. Giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp

**Câu 18: Có mấy thời điểm phân luồng trong hệ thống giáo dục?**

A. 5 thời điểm

B. 4 thời điểm

C. 3 thời điểm

D. 2 thời điểm

**Câu 19: Cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục diễn ra ở những thời điểm nào?**

A. Sau tốt nghiệp trung học cơ sở, sau tốt nghiệp trung học phổ thông và sau đại học

B. Sau tốt nghiệp trung học cơ sở và sau tốt nghiệp trung học phổ thông.

C. Sau tốt nghiệp trung học cơ sở

D. Sau tốt nghiệp đại học

**Câu 20: Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, học sinh có thể lựa chọn theo những hướng đi liên quan đến lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ nào?**

A. Theo học các ngành thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ các trình độ sơ cấp, trung cấp

B. Theo học tại các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên để vừa học chương trình trung học phổ thông kết hợp với học một nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. Tiếp tục học trung học phổ thông

C. Học lên đại học và đi nghĩa vụ quân sự.

D. Cả 2 phương án A và B đều đúng.

**Câu 21: Thị trường lao động là**

A. thị trường trao đổi hàng hoá, sức lao động giữa người sử dụng lao động và người lao động trên cơ sở thoả thuận với nhau về tiền lương, các điều kiện làm việc,…

B. thị trường mua bán sức lao động

C. thị trường dịch vụ riêng để mua bán sức lao động

D. thị trường tiếp xúc đầu tư.

**Câu: 22: Có mấy yếu tố ảnh hưởng tới thị trường lao động?**

A. 2 yếu tố

B. 3 yếu tố

C. 4 yếu tố

D. 5 yếu tố

**Câu 23: Các yếu tố ảnh hưởng tới thị trường lao động là gì?**

A. Sự phát triển của tư duy công nghệ, sự chuyển dịch cơ cấu

B. Sự phát triển của khoa học công nghệ, sự chuyển dịch cơ cấu, nhu cầu lao động, nguồn cung lao động

C. Sự chuyển dịch cơ cấu, nhu cầu lao động.

D. Sự phát triển của tư duy công nghệ, nguồn cung lao động

**Câu 24: Thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp có mấy vai trò?**

A. 3 vai trò

B. 4 Vai trò

C. 5 vai trò

D. 6 vai trò

**Câu 25: Vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ là**

A. điều tiết nhu cầu lao động, định hướng và phát triển đào tạo.

B. cung cấp thông tin về nhu cầu lao động.

C. điều tiết nhu cầu lao động, định hướng nghề nghiệp, định hướng và phát triển đào tạo.

D. điều tiết nhu cầu lao động, phát triển thị trường.

**Câu 26: Thông tin về thị trường lao động hiện nay gồm những nội dung nào?**

A. Định hướng và phát triển đào tạo, người sử dụng lao động tuyển dụng được người lao động phù hợp và người lao động được tuyển dụng vào vị trí việc làm mong muốn.

B. Phát triển con người, thị trường lao động, Sự chuyển dịch cơ cấu, nhu cầu lao động.

C. Sự phát triển của tư duy công nghệ, sự chuyển dịch cơ cấu,

D. Cả hai phương án B và C đều đúng

**Câu 27: Những vấn đề cơ bản về thị trường lao động hiện nay là gì?**

A. Xu hướng tuyển dụng người lao động được đào tạo, có kinh nghiệm, thông tin nhu cầu lao động

B. Chất lượng lao động còn thấp, phân bổ nguồn lao động không đồng đều.

C. Điều tiết nhu cầu lao động, định hướng và phát triển đào tạo.

D. Chất lượng lao động còn thấp, phân bổ nguồn lao động không đồng đều, xu hướng cung lao động lớn hơn cầu lao động, xu hướng tuyển dụng người lao động được đào tạo, có kinh nghiệm.

**Câu 28: Thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ ở nước ta hiện nay phát triển như thế nào?**

A. Phát triển cả về quy mô và chất lượng, từng bước hiện đại, bền vững và hội nhập quốc tế.

B. Phát triển con người, thị trường lao động, sự chuyển dịch cơ cấu

C. Thị trường không phát triển, có chiều hướng đi xuống.

D. Phát triển cả về quy mô và chất lượng nhưng không đều

**II. Tự luận: (3,0 điểm)**

**Câu 29** *(Giáo viên có thể chọn 1 trong 2 câu (29a) hoặc (29b)*

**(a) (2,0 điểm): Em hãy tìm hiểu thông tin về ngành nghề sửa chữa ô tô, cơ khí tại địa phương em, bằng cách hoàn thiện bảng thông tin sau:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các ngành nghề KTCN** | **Số lượng cơ sở sửa chữa** | **Số lượng người lao động** | **Độ tuổi lao động/tuổi nghề** | **Mức thu nhập bình quân/tháng (VNĐ)** |
| **Sửa chữa ô tô** |  |  |  |  |
| **Cơ khí** |  |  |  |  |

**Câu 29 (b) (2,0 điểm): Em hãy nêu một số thông tin mà em biết về các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?**

**Câu 30 (1,0 điểm): Thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ có thể tìm kiếm từ những nguồn nào? Qua những bước nào?**

**D. HƯỚNG DẪN CHẤM**

**I. Trắc nghiệm (7,0 điểm):** *Hãy chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng trong các câu sau và điền vào bảng:*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| ĐA | D | B | B | A | C | A | D | A | C | B | D | D | C | A |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** |
| ĐA | A | B | A | D | B | D | A | C | B | A | C | A | D | A |

**II. Tự luận: (3,0 điểm)**

**Câu 29 (a) (1,0 điểm): Ví dụ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các ngành nghề KTCN** | **Số lượng cơ sở sửa chữa** | **Số lượng người lao động** | **Độ tuổi trung bình** | **Mức thu nhập bình quân/tháng (VNĐ)** |
| Sửa chữa ô tô | 5 | 20 | 25 đến 45 tuổi | 10-15tr/tháng |
| Cơ khí | 10 | 30 | 10 năm | 6-10tr/tháng |

**Câu 29 (b) (1,0 điểm):**

- Các ngành nghề đào tạo về lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ rất đa dạng với các nghề nghiệp đóng vai trò to lớn cho sự phát triển của đất nước.(0,5đ)

- Trong cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam, nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ được đào tạo với nhiều trình độ như sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ, và tiến sĩ. (0,5đ)

- Một số ngành đào tạo thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ có đào tạo từ trình độ trung cấp đến tiến sĩ như:

+ Nhóm ngành công nghệ thông tin, (0,25đ)

+ Nhóm ngành công nghệ kĩ thuật kiến trúc và công trình xây dựng. (0,25đ)

+ Nhóm ngành công nghệ kĩ thuật cơ khí, (0,25đ)

+ Nhóm ngành công nghệ kĩ thuật điện, điện tử, viễn thông (0,25đ)

**Câu 30: (1,0 điểm)**

- Thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ có thể tìm được qua các trang website, báo trí, các kênh thông tin chính thức của các đơn vị uy tín như tổ chức lao động quốc tế cũng như các trung tâm thị trường lao động ở các đơn vị thành phố (tỉnh). (0,5đ)

- Có 4 bước để tìm thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ. (0,5đ)

+ Bước 1: Xác định mục tiêu tìm kiếm

+ Bước 2: Xác định nguồn thông tin

+ Bước 3: Xác định công cụ tìm kiếm

+ Bước 4: Tiến hành tìm kiếm

**------------------------------Hết------------------------------**

**Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com**

**https://www.vnteach.com**